

# Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về tiếp cận toàn dân, toàn diện, toàn cầu, bao trùm, phát triển bền vững trong quản lý phát triển xã hội và phương thức vận dụng ở Việt Nam hiện nay

## Viewpoints of Communist Party of Vietnam on people-centered, comprehensive, global, inclusive, and sustainable approaches in social development management and their application in Vietnam today

PGS, TS. TRẦN HẢI MINH

Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Email: tranhaiminh81uk@gmail.com

Ngày nhận bài: 9/3/2026

Ngày phản biện: 14/3/2026

Ngày chấp nhận đăng: 20/5/2026

Chủ đề của bài viết thuộc lĩnh vực: Lý luận chính trị.

**Tóm tắt:** Bài viết trình bày quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về tiếp cận toàn dân, toàn diện, toàn cầu, bao trùm và phát triển bền vững trong quản lý phát triển xã hội. Dựa cơ sở lý luận trên chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta nhấn mạnh vai trò trung tâm của con người, thiết lập mô hình quản trị phát triển hài hòa giữa các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa, môi trường. Đảng Cộng sản Việt Nam xác định việc vận dụng các quan điểm lý luận vào thực tiễn quản lý phát triển xã hội cần đảm bảo sự phối hợp đồng bộ giữa các chủ thể như Đảng, Nhà nước, nhân dân và các tổ chức xã hội.

**Từ khóa:** quản lý phát triển xã hội; toàn dân; toàn diện; toàn cầu; bao trùm; phát triển bền vững.

**Abstract:** The article presents the viewpoints of Communist Party of Vietnam on people-centered, comprehensive, global, inclusive, and sustainable approaches in social development management. Based on Marxism - Leninism and Hồ Chí Minh Thought, the Party emphasizes the central role of human beings and establishes a development governance model harmonizing economic, political, social, cultural, and environmental spheres. The Communist Party of Vietnam determines that applying theoretical viewpoints to the practice of social development management must ensure synchronous coordination among stakeholders such as the Party, the State, the people, and social organizations.

**Keywords:** social development management; people - centered; comprehensive; global; inclusive; sustainable development.

### 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, sự chuyển đổi mạnh mẽ về kinh tế, xã hội và công nghệ đang đặt ra nhiều cơ hội và thách thức mới đối với quản lý phát triển xã hội tại Việt Nam. Việc vận dụng quan điểm tiếp cận toàn dân, toàn diện, toàn cầu, bao trùm và phát triển

bền vững trong quản lý phát triển xã hội không chỉ là yêu cầu cấp thiết của thực tiễn mà còn là nền tảng lý luận quan trọng để định hướng chiến lược phát triển quốc gia. Chính vì vậy, nghiên cứu về quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về tiếp cận toàn dân, toàn diện, toàn cầu, bao trùm và phát triển bền vững trong

quản lý phát triển xã hội sẽ góp phần phục vụ mục tiêu xây dựng xã hội Việt Nam thịnh vượng, giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

## 2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, trong đó nhấn mạnh mối quan hệ biện chứng giữa con người - xã hội - tự nhiên, mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội.

Nghiên cứu dựa trên phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, cùng với các phương pháp nghiên cứu cụ thể như: phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu, phương pháp khái quát hóa, phương pháp tổng kết thực tiễn.

## 3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

### 3.1. Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về tiếp cận toàn dân, toàn diện, toàn cầu, bao trùm và phát triển bền vững trong quản lý phát triển xã hội

Đối với Việt Nam hiện nay, quan điểm lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển xã hội không chỉ là sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, mà còn phản ánh quá trình thích ứng với bối cảnh toàn cầu hóa và chuyển đổi hiện đại. Điều này tạo nên một trường phái lý luận đặc thù, mang tính hệ thống, nhất quán nhưng linh hoạt, gắn chặt giữa mục tiêu phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội.

Trọng tâm trong lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam là quan điểm lấy con người làm trung tâm, chủ thể và mục tiêu của phát triển, đồng thời thiết lập mối quan hệ hài hòa giữa các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa và môi trường. Bên cạnh đó, mô hình quản trị phát triển được xây dựng trên nền tảng Đảng lãnh đạo - Nhà nước kiến tạo - nhân dân tham gia - xã hội đồng hành, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, bao trùm và tiến bộ.

#### 3.1.1. Cơ sở hình thành: Nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh

Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam được xây dựng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin, trong đó nhấn mạnh vai trò của con người vừa là sản phẩm, vừa là chủ thể của lịch sử. Theo Marx, sự phát triển xã hội phải hướng tới giải phóng con người khỏi các hình thức áp bức và bất bình đẳng (Marx & Engels, 1848/1978). Điều này đặt cơ sở cho tư duy lấy con người làm trung tâm.

Tư tưởng Hồ Chí Minh tiếp tục phát triển luận điểm

này trong điều kiện Việt Nam, nhấn mạnh rằng: phát triển phải vì “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Hồ Chí Minh coi nhân dân vừa là mục tiêu vừa là động lực của cách mạng, đồng thời đề cao vai trò của đạo đức, văn hóa và đoàn kết xã hội (Hồ Chí Minh, 2011).

#### 3.1.2. Nội dung cốt lõi của quan điểm lý luận

(1) Con người là trung tâm, chủ thể và mục tiêu của phát triển

Đây là nguyên tắc xuyên suốt trong tư duy phát triển của Đảng. Con người được đặt ở vị trí trung tâm theo ba phương diện:

+ Là mục tiêu: mọi chính sách phát triển nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống,

+ Là chủ thể: con người tham gia vào quá trình phát triển,

+ Là động lực: nguồn lực con người quyết định sự phát triển.

Quan điểm này có điểm tương đồng với cách tiếp cận năng lực của Sen (1999), theo đó phát triển là quá trình mở rộng các khả năng lựa chọn của con người. Tuy nhiên, điểm đặc thù của Việt Nam là sự kết hợp giữa phát triển cá nhân và lợi ích cộng đồng. Trong thực tiễn, điều này được thể hiện qua: chính sách giảm nghèo, phát triển giáo dục và y tế, bảo đảm an sinh xã hội,... Theo UNDP (2020), Việt Nam là một trong những quốc gia đạt tiến bộ đáng kể về chỉ số phát triển con người (HDI), phản ánh hiệu quả của cách tiếp cận này.

(2) Thiết lập mối quan hệ hài hòa giữa các lĩnh vực

Một đặc điểm quan trọng của trường phái lý luận Việt Nam là cách tiếp cận toàn diện và hệ thống. Phát triển không chỉ là tăng trưởng kinh tế mà còn bao gồm:

+ Phát triển chính trị (ổn định, dân chủ)

+ Phát triển xã hội (công bằng, an sinh)

+ Phát triển văn hóa (giá trị, bản sắc)

+ Bảo vệ môi trường.

Điều này có nét tương đồng với quan điểm phát triển bền vững của Brundtland (1987), nhưng được cụ thể hóa trong điều kiện Việt Nam.

Đảng ta nhấn mạnh: Không đánh đổi tiến bộ và công bằng xã hội để lấy tăng trưởng kinh tế đơn thuần. Cách tiếp cận này giúp tránh các hệ quả tiêu cực như: bất bình đẳng gia tăng, suy thoái môi trường, khủng hoảng xã hội.

(3) Mô hình quản trị: Đảng lãnh đạo - Nhà nước kiến tạo - nhân dân tham gia - xã hội đồng hành

Đây là một đóng góp quan trọng của Đảng ta về mặt lý luận quản trị phát triển.

*Thứ nhất, Đảng lãnh đạo.*

Đảng giữ vai trò định hướng chiến lược và đảm bảo tính nhất quán trong phát triển. Theo Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), vai trò lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định thành công của sự nghiệp đổi mới.

*Thứ hai, Nhà nước kiến tạo, quản lý*

Khái niệm “Nhà nước kiến tạo phát triển” phản ánh sự chuyển đổi từ mô hình quản lý sang phục vụ, tạo môi trường thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội (Evans, 1995).

*Thứ ba, nhân dân tham gia*

Nhân dân không chỉ là đối tượng thụ hưởng mà còn tham gia vào quá trình hoạch định và thực thi chính sách. Điều này phù hợp với quan điểm quản trị hiện đại về participatory governance (quản trị tham dự).

*Thứ tư, xã hội đồng hành*

Bao gồm doanh nghiệp, tổ chức xã hội, cộng đồng... cùng tham gia vào quá trình phát triển.

Mô hình này thể hiện sự kết hợp giữa: quản trị nhà nước, quản trị xã hội, quản trị đa bên,

(4) Phát triển xã hội hài hòa, tiến bộ, công bằng và bền vững

Đây là mục tiêu xuyên suốt của toàn bộ hệ thống lý luận.

*Thứ nhất, Hài hòa*

Hài hòa giữa các nhóm xã hội, giữa các vùng miền, giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.

*Thứ hai, Tiến bộ*

Không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống và trình độ phát triển xã hội.

*Thứ ba, Công bằng*

Giảm bất bình đẳng, bảo đảm cơ hội tiếp cận công bằng.

*Thứ tư, Bền vững*

Đáp ứng nhu cầu hiện tại mà không làm tổn hại tương lai. (Brundtland, 1987)

Quan điểm này có sự tương đồng cao với các mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) của Liên Hợp Quốc.

**3.1.3. Tính đặc thù trong lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam**

(1). Kết hợp giữa lý luận và thực tiễn

Một đặc điểm nổi bật là tính thực tiễn cao. Quan điểm lý luận không mang tính trừu tượng mà được kiểm nghiệm qua thực tiễn đổi mới. Ví dụ: Chuyển từ kinh tế kế hoạch hóa sang kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hay kết hợp tăng trưởng với giảm nghèo.

(2). Kết hợp giữa truyền thống và hiện đại

Trường phái lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ dựa trên chủ nghĩa Mác - Lênin mà còn kế thừa: giá trị văn hóa truyền thống, tư tưởng Hồ Chí Minh, kinh nghiệm quốc tế. Điều này tạo nên tính linh hoạt và thích ứng cao.

(3). Định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh toàn cầu hóa

Khác với nhiều mô hình phát triển thuần túy thị trường, Việt Nam duy trì định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó:

+ Nhà nước giữ vai trò điều tiết,

+ Phát triển gắn với công bằng xã hội.

Điều này tạo nên bản sắc riêng trong hệ thống lý luận phát triển.

**3.1.4. Ý nghĩa đối với quản lý phát triển xã hội hiện nay**

Trong bối cảnh mới như: chuyển đổi số, biến đổi khí hậu, toàn cầu hóa, quan điểm lý luận của Đảng tiếp tục có giá trị định hướng:

(1). Định hướng chính sách

+ Phát triển bao trùm

+ Chuyển đổi số vì con người

+ Bảo vệ môi trường

(2). Nâng cao hiệu quả quản trị

+ Thúc đẩy quản trị đa bên

+ Tăng cường minh bạch và trách nhiệm

(3). Đảm bảo ổn định xã hội

+ Giảm bất bình đẳng

+ Tăng cường đoàn kết xã hội

Nói tóm lại, quan điểm lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển xã hội thể hiện một trường phái lý luận đặc thù, kết hợp giữa nền tảng Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và tinh thần hội nhập quốc tế. Với trọng tâm là con người, cách tiếp cận toàn diện và mô hình quản trị đa chủ thể, hệ thống lý luận này không chỉ có giá trị trong thực tiễn Việt Nam mà còn đóng góp vào diễn ngôn toàn cầu về phát triển bao trùm và bền vững. Trong bối cảnh thế giới đang đối mặt với nhiều thách thức mới, việc tiếp tục phát triển và hoàn thiện lý luận này của Đảng sẽ là yếu tố quan trọng để Việt Nam đạt được mục tiêu phát triển nhanh, bền vững và bao trùm.

**3.2. Phương thức vận dụng quan điểm tiếp cận toàn dân, toàn diện, toàn cầu, bao trùm, phát triển bền vững trong quản lý phát triển xã hội Việt Nam hiện nay**

3.2.1. *Cách tiếp cận toàn dân, toàn diện, toàn cầu, bao trùm, và phát triển bền vững như nguyên tắc phương pháp luận trong quản lý phát triển xã hội*

Phương thức vận dụng thứ nhất là sử dụng cách tiếp cận như nguyên tắc phương pháp luận chung định hướng trong quản lý phát triển xã hội.

*Tinh hệ thống và liên kết của các cách tiếp cận*

Các cách tiếp cận nêu trên cần được nhìn nhận như một hệ phương pháp luận tổng thể. Tiếp cận toàn dân đảm bảo tính dân chủ và sự tham gia; tiếp cận toàn diện đảm bảo tính cân bằng; tiếp cận toàn cầu mở rộng không gian phát triển; tiếp cận bao trùm đảm bảo công bằng; và tiếp cận bền vững đảm bảo tính lâu dài.

Điểm quan trọng là các cách tiếp cận này không tồn tại độc lập mà tương tác chặt chẽ với nhau. Ví dụ, một chính sách có thể toàn diện nhưng nếu không bao trùm thì vẫn tạo ra bất bình đẳng; hoặc một chính sách bao trùm nhưng thiếu tính bền vững sẽ không duy trì được hiệu quả lâu dài.

*Định hướng đổi mới tư duy quản lý*

Việc vận dụng các cách tiếp cận này giúp chuyển đổi tư duy quản lý từ:

- + Quản lý theo ngành → quản lý liên ngành;
- + Quản lý tập trung → quản trị đa chủ thể;
- + Quản lý ngắn hạn → quản lý dài hạn;
- + Quản lý phản ứng → quản lý thích ứng.

Đây là nền tảng để xây dựng mô hình quản trị phát triển hiện đại, phù hợp với bối cảnh biến động nhanh chóng của xã hội.

Cách tiếp cận này giúp khắc phục một số hạn chế trong phát triển như: Chênh lệch vùng miền, bất bình đẳng xã hội, áp lực môi trường, hạn chế trong năng lực quản trị. Do đó, việc coi các cách tiếp cận này là nguyên tắc phương pháp luận có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

3.2.2. *Tích hợp các cách tiếp cận trong các nội dung quản lý phát triển xã hội*

Phương thức vận dụng thứ hai có thể sử dụng chính là tích hợp cách tiếp cận trên vào các nội dung quản lý phát triển xã hội. Cụ thể:

*Tích hợp trong xác định mục tiêu phát triển*

Mục tiêu phát triển xã hội cần được thiết kế theo hướng đa chiều, không chỉ dựa trên GDP mà còn dựa trên các chỉ tiêu về chất lượng sống, công bằng xã hội và môi trường. Điều này phản ánh sự chuyển dịch từ “tăng trưởng kinh tế” sang “phát triển con người”. Ở Việt Nam, điều này thể hiện qua các chương trình giảm nghèo đa chiều, chính sách an sinh xã hội và chiến lược

tăng trưởng xanh.

*Tích hợp trong nội dung chính sách*

Các chính sách cần được thiết kế theo hướng tích hợp liên ngành. Cụ thể như:

- + Chính sách giáo dục không chỉ nhằm nâng cao trình độ mà còn giảm bất bình đẳng;
- + Chính sách môi trường gắn với phát triển kinh tế xanh;
- + Chính sách đô thị gắn với phát triển bao trùm.

Việc tích hợp này giúp tránh tình trạng “chính sách chồng chéo” hoặc “phát triển lệch pha”.

*Tích hợp trong nguồn lực và công cụ quản lý*

Một đặc điểm quan trọng của cách tiếp cận hiện đại là huy động đa dạng nguồn lực:

- + Nhà nước giữ vai trò định hướng;
- + Thị trường tạo động lực;
- + Xã hội tham gia giám sát.

Bên cạnh đó, công nghệ số đóng vai trò ngày càng quan trọng trong quản lý phát triển xã hội, từ thu thập dữ liệu đến ra quyết định chính sách.

*Tích hợp trong cơ chế phối hợp*

Quản lý phát triển xã hội đòi hỏi sự phối hợp giữa nhiều cấp, nhiều ngành và nhiều chủ thể. Điều này đặc biệt quan trọng trong các vấn đề như biến đổi khí hậu, đô thị hóa hay an sinh xã hội.

3.2.3. *Vận dụng trong các khâu của quá trình quản lý phát triển xã hội*

Phương thức vận dụng thứ ba là vận dụng trong các khâu/yếu tố của quá trình quản lý phát triển xã hội:

*Trong hoạch định chính sách*

Việc hoạch định chính sách cần dựa trên:

- + Bằng chứng khoa học,
- + Phân tích dữ liệu,
- + Tham vấn đa chiều.

Tiếp cận toàn dân yêu cầu sự tham gia của người dân; tiếp cận bao trùm yêu cầu chính sách phải hướng tới các nhóm yếu thế; tiếp cận toàn cầu yêu cầu gắn với các cam kết quốc tế.

*Trong tổ chức thực hiện*

Việc thực hiện chính sách cần đảm bảo các yêu cầu:

- + Tính minh bạch,
- + Sự tham gia của cộng đồng,
- + Sự phối hợp giữa các cơ quan.

Ở Việt Nam, việc triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới là ví dụ điển hình cho việc vận dụng tiếp cận toàn dân và bao trùm.

*Trong xây dựng thiết chế quản lý*

Thiết chế quản lý cần:

- + Có tính pháp quyền,
- + Hiệu quả và minh bạch,
- + Có khả năng thích ứng..

Điều này phù hợp với xu hướng quản trị tốt (good governance) được nhấn mạnh trong các tài liệu quốc tế.

*Trong tổ chức triển khai*

Việc triển khai cần tận dụng công nghệ, dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo để nâng cao hiệu quả quản lý. Đồng thời, cần thúc đẩy hợp tác quốc tế để học hỏi kinh nghiệm và huy động nguồn lực.

*Trong kiểm tra, đánh giá*

Hệ thống đánh giá cần đa chiều, bao gồm:

- + Hiệu quả kinh tế,
- + Tác động xã hội,
- + Tác động môi trường.

+ Đồng thời, cần tăng cường trách nhiệm giải trình và minh bạch.

Mặc dù đã đạt được nhiều kết quả, việc vận dụng các cách tiếp cận này tại Việt Nam vẫn đối mặt với một số thách thức như: Tư duy quản lý còn mang tính cục bộ, thiếu sự phối hợp liên ngành, nguồn lực còn hạn chế, năng lực cán bộ chưa đồng đều. Do đó, thời gian tới, chúng ta cần thực hiện một số giải pháp như: tăng cường đổi mới tư duy quản lý, nâng cao năng lực thể chế, đẩy mạnh chuyển đổi số, tăng cường hợp tác quốc tế nhằm đối phó với các thách thức trên.

#### 4. Kết luận

Việc vận dụng các cách tiếp cận toàn dân, toàn diện, toàn cầu, bao trùm và phát triển bền vững trong quản lý phát triển xã hội là xu thế tất yếu và là yêu cầu cấp thiết đối với Việt Nam hiện nay. Cách tiếp cận này không chỉ giúp nâng cao hiệu quả quản trị mà còn tạo nền tảng cho sự phát triển lâu dài, công bằng và thích ứng. Trong bối cảnh thế giới biến động nhanh chóng, khả năng tích hợp và vận dụng linh hoạt các cách tiếp cận này sẽ là yếu tố có tính quyết định đối với sự thành công của mô hình phát triển xã hội ở Việt Nam./

\* Bài viết nằm là sản phẩm nghiên cứu đề tài cấp Bộ trọng điểm năm 2025-2026: “Nghiên cứu quan điểm tiếp cận: Toàn dân, toàn diện, toàn cầu, bao trùm và phát triển bền vững trong quản lý phát triển xã hội hiện nay”, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

*là cơ quan chủ trì.*

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Sen, A. (1999). *Development as Freedom*, Oxford University Press.
2. Sen, A. (1985). *Commodities and Capabilities*, North-Holland.
3. Sen, A. (2009). *The Idea of Justice*, Cambridge, MA: Harvard University Press.
4. Stiglitz, J. E., Sen, A., & Fitoussi, J. P. (2009). *Report on the Measurement of Economic Performance and Social Progress*.
5. United Nations (2015). *Transforming our world: The 2030 Agenda for Sustainable Development*.
6. United Nations Development Programme (UNDP) (2020). *Human Development Report*.
7. United Nations Development Programme (1997). *Governance for Sustainable Human Development*, New York: UNDP.
8. World Bank (2020), *World Development Report 2020*.
9. Brundtland, G. H. (1987). *Our common future*, Oxford University Press.
10. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội XIII*, NXB Chính trị Quốc gia.
11. Đảng Cộng sản Việt Nam (2026). *Văn kiện Đại hội XIV*, NXB Chính trị Quốc gia.
12. Evans, P. (1995). *Embedded autonomy: States and industrial transformation*, Princeton University Press.
13. Hồ Chí Minh (2011). *Toàn tập*, NXB Chính trị Quốc gia.
14. Marx, K., & Engels, F. (1978), *The Communist Manifesto*, (Original work published 1848).
15. Van Dijk, J. (2020). *The digital divide*, Polity Press.
16. Buolamwini, J., & Gebru, T. (2018). “Gender shades: Intersectional accuracy disparities in commercial gender classification”, *Proceedings of Machine Learning Research*.
17. Caliskan, A., Bryson, J. J., & Narayanan, A. (2017). “Semantics derived automatically from language corpora contain human-like biases”, *Science*, 356(6334), 183-186.
18. Eubanks, V. (2018). *Automating inequality*, New York: St. Martin's Press.
19. Floridi, L., et al. (2019). “Establishing the rules for building trustworthy AI”, *Nature Machine Intelligence*.
20. Jobin, A., Ienca, M., & Vayena, E. (2019). “The global landscape of AI ethics guidelines”, *Nature Machine Intelligence*, 1(9), 389-399.
21. O’Neil, C. (2016). *Weapons of math destruction*, New York: Crown.
22. Organisation for Economic Co-operation and Development. (2014). *All on Board: Making Inclusive Growth Happen*, Paris: OECD Publishing.
23. Organisation for Economic Co-operation and Development (2018). *Opportunities for All: A Framework for Policy Action on Inclusive Growth*, Paris: OECD Publishing.